

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2024.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly  
hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lý Thị Bích Thơ

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.
- Bà Võ Thị Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Nhân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 21 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Hồ Thị H**, sinh năm: 1988 (vắng mặt có đơn xin vắng);

Nơi cư trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.**

- **Bị đơn:** Anh **Bùi Tấn L**, sinh năm: 1984 (vắng mặt không có lý do).

Nơi cư trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

- Nguyên đơn chị **Hồ Thị H** trình bày: Về hôn nhân chị **H** và anh **L** tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới năm 2014, đăng ký kết hôn ngày 16/6/2014 tại **UBND phường M, Tp C, tỉnh Đồng Tháp**. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 6/8/2023 vợ chồng bất đồng ý kiến thường hay cự cãi, do anh **L** ăn nhậu, nợ nần, nhiều lần dùng lời lẽ vu khống, dùng vũ lực đánh chị **H** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chị **H** đã nhiều lần khuyên nhưng anh **L**

vẫn không thay đổi và đã ly thân cho đến nay. Về con chung cháu **Bùi Hồ Bảo T**, sinh ngày 07/6/2016, đang sống chung với chị **H**. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị **Hồ Thị H** yêu cầu ly hôn với anh **Bùi Tấn L**, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Bùi Hồ Bảo T**, sinh ngày 07/6/2016, không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Bùi Tấn L**: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh **L** không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị **H**, cũng như tham dự phiên hòa giải và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh **L** về yêu cầu khởi kiện của chị **H**.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật như đến tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho mình là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hồ Thị H** đối với anh **Bùi Tấn L**, chấp nhận yêu cầu của chị **H** về việc giao con chung **Bùi Hồ Bảo T** cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh **Bùi Tấn L**, hiện nay đăng ký thường trú **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị **H** và anh **L**, có đăng ký kết hôn theo quy

định pháp luật, nay chị **H** yêu cầu ly hôn với anh **L**, yêu cầu nuôi con chung, nên phát sinh tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị **Hồ Thị H** vắng mặt có đơn xin vắng và bị đơn anh **Bùi Tấn L** vắng mặt lần thứ 2 không nêu lý do chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn anh **L** cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **H** và anh **L** là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **H** và anh **L** là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống xuất phát từ mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường hay cự cãi, kinh tế gia đình, anh **L** có hành vi dùng lời lẽ xúc phạm và dùng vũ lực đối với chị **H**, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhưng đến nay vẫn không hàn gắn đoàn tụ được.

Nay chị **H** yêu cầu ly hôn với anh **L**, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc, cả hai phải tôn trọng, giúp đỡ, chăm sóc, giữ gìn hạnh phúc gia đình, để nuôi dạy con, nhưng giữa chị **H** và anh **L** không có sự gắn kết, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị **H** và anh **L** đã ly thân từ tháng 8/2023 đến nay, anh **L** đã được Tòa án thông báo hòa giải 02 lần để tạo cơ hội cho anh chị hàn gắn tình cảm, nhưng anh **L** không đến, từ đó cho thấy anh **L** không muốn hàn gắn đoàn tụ với chị **H**.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hồ Thị H** đối với anh **Bùi Tấn L** phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1.] Về nuôi con chung chưa thành niên: Con chung tên **Bùi Hồ Bảo T**, sinh ngày 07/6/2016, chị **H** yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Bảo T**. Anh **L** không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi con của chị **H**. Hiện nay cháu **Bảo T** đang do chị **H** chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu **T** được chị **H** nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho cháu **Bảo T** có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, đảm

bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị **H** đối với anh **L**, tiếp tục giao cháu **Bùi Hồ Bảo T**, sinh ngày 07/6/2016 cho chị **H** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu **Bảo T** không ai được cản trở.

[2.2.2.] Về cấp dưỡng cho con: Do chị **Hồ Thị H** không yêu cầu anh **Bùi Tấn L** cấp dưỡng cho con và anh **L** cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị **Hồ Thị H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh **Bùi Tấn L** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hồ Thị H** đối với anh **Bùi Tấn L**, cho chị **Hồ Thị H** ly hôn với anh **Bùi Tấn L**.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị **Hồ Thị H** đối với anh **Bùi Tấn L**. Giao cháu **Bùi Hồ Bảo T**, sinh ngày 07/6/2016 cho chị **Hồ Thị H** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh **Bùi Tấn**

L không phải cấp dưỡng cho cháu Bảo T do chị Hồ Thị H không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Tấn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Bùi Tấn L không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Hồ Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Bùi Tấn L.

### 3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Hồ Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hồ Thị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006046 ngày 10/01/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Hồ Thị H không phải nộp thêm.

Bị đơn anh Bùi Tấn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/3/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT Tòa án;
- UBND phường Mỹ Phú, tp CL, ĐT;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lý Thị Bích Thơ**